



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN NẠM MU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 25
8. Phụ lục I: Báo cáo kết quả kinh doanh các nhà máy cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	26

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100174626, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 với số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 09 là ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
- Điện thoại : (0219) 3827 276
- Fax : (0219) 3827 523

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và bán buôn điện thương phẩm

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2021
Ông Bùi Trọng Căn	Ủy viên	Tái Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Kỳ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Len	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Đức Lương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2021

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Đặng Thị Đoan Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

Ban điều hành, quản lý

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Bùi Trọng Căn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Xuân Du	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020

CH
C
SCH
MT
TI
VG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Trọng Căn - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Ngày 08 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0123/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

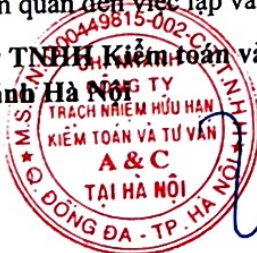
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2023



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.849.379.012	26.881.365.908
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.775.659.281	8.835.638.744
1. Tiền	111		9.775.659.281	8.835.638.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.207.500.898	17.948.434.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.922.822.811	17.189.684.634
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		158.880.051	621.094.841
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	125.798.036	137.655.479
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		29.996.000	44.246.000
1. Hàng tồn kho	141		29.996.000	44.246.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		836.222.833	53.046.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	836.222.833	53.046.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		275.700.381.185	307.272.289.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		238.881.444.178	275.631.113.712
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	238.881.444.178	275.631.113.712
<i>Nguyên giá</i>	222		722.113.705.205	720.805.404.296
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(483.232.261.027)	(445.174.290.584)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		419.853.259	90.909.091
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		419.853.259	90.909.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.600.000.000	30.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	30.600.000.000	30.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.799.083.748	950.266.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	5.799.083.748	950.266.502
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.549.760.197	334.153.655.213

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		26.742.915.202	26.975.666.138
I. Nợ ngắn hạn	310		26.742.915.202	26.975.666.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	4.954.318.767	9.023.486.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	12.214.352.987	9.892.548.395
4. Phải trả người lao động	314		4.868.809.567	4.383.328.459
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		407.407.408	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	2.433.810.179	2.008.695.151
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.10	1.864.216.294	1.667.607.828
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

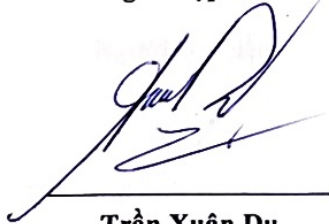
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		313.806.844.995	307.177.989.075
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	313.806.844.995	307.177.989.075
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(468.780.000)	(468.780.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.315.289.385	44.315.289.385
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.928.656.944	53.299.801.024
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.011.861.391	53.299.801.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.916.795.553	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		32.678.666	32.678.666
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.549.760.197	334.153.655.213

Người lập biểu



Trần Xuân Du

Kế toán trưởng



Trần Xuân Du

Lập, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Bùi Trọng Căn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MŨ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	177.266.321.776	165.837.230.817
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		177.266.321.776	165.837.230.817
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	98.600.177.433	92.833.835.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.666.144.343	73.003.395.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	533.726.698	27.341.204
7. Chi phí tài chính	22		-	1.014.115.808
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	1.014.115.808
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	7.732.065.290	7.109.225.004
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.467.805.751	64.907.395.534
11. Thu nhập khác	31	VI.5	10.165.604	117.233.840
12. Chi phí khác	32	VI.6	252.987.131	839.175.888
13. Lợi nhuận khác	40		(242.821.527)	(721.942.048)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.224.984.224	64.185.453.486
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.8	14.308.188.671	13.083.458.078
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>56.916.795.553</u>	<u>51.101.995.408</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Giám đốc

Trần Xuân Du

Trần Xuân Du

Bùi Trọng Căn



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.224.984.224	64.185.453.486
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	38.049.619.276	38.832.937.346
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(488.273.423)	(13.561.644)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.014.115.808
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		108.786.330.077	104.018.944.996
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		740.934.056	(4.585.413.371)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.250.000	8.406.667
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.735.421.248)	(5.648.702.854)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.631.993.869)	382.004.788
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.014.115.808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.8	(13.051.787.000)	(11.218.100.718)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.10	(3.883.200.000)	(3.818.527.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.239.112.016	78.124.496.700
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.637.245.077)	(90.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		488.273.423	13.561.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.148.971.654)	(77.347.447)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	23.109.369.726
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(49.819.423.038)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.150.119.825)	(46.154.815.100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(46.150.119.825)</i>	<i>(72.864.868.412)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		37.940.020.537	5.182.280.841
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.835.638.744	3.653.357.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>46.775.659.281</u>	<u>8.835.638.744</u>

Lập, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Xuân Du

Trần Xuân Du

Bùi Trọng Cảnh

CHI
CỔ
H NI
T OI
A
T AI
G / Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán điện thương phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75,90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 119 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 122 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

PHỤ LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí sửa chữa tài sản.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.553.538	26.833.608
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.771.105.743	8.808.805.136
Các khoản tương đương tiền	37.000.000.000	-
Cộng	<u>46.775.659.281</u>	<u>8.835.638.744</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư vào công ty con - Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, với số tiền là 30.600.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104800561 ngày 12 tháng 7 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 03 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô là 40.318.000.000 VND (4.031.800 cổ phần). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.060.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, tương đương 75,9% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của Công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô không phát sinh doanh thu/giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Giao dịch với công ty con

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con. Năm trước chỉ phát sinh giao dịch lãi vay phải trả với số tiền là 91.388.889 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	54.491.391	-	68.920.400	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	71.306.645	-	68.735.079	-
Cộng	<u>125.798.036</u>	<u>-</u>	<u>137.655.479</u>	<u>-</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn là chi phí sửa chữa Tài sản cố định còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	522.774.591.836	194.838.594.953	3.134.672.052	57.545.455	-	720.805.404.296
Mua trong năm	-	746.140.000	-	61.090.909	-	807.230.909
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	501.070.000	501.070.000
Số cuối năm	522.774.591.836	195.584.734.953	3.134.672.052	118.636.364	501.070.000	722.113.705.205
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	88.661.177.390	1.814.781.143	57.545.455	-	90.533.503.988
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	279.229.258.104	163.357.764.954	2.529.722.071	57.545.455	-	445.174.290.584
Khấu hao trong năm	20.323.447.572	17.553.039.880	164.986.368	8.145.456	-	38.049.619.276
Hao mòn TSCĐ phúc lợi	-	-	-	-	8.351.167	8.351.167
Số cuối năm	299.552.705.676	180.910.804.834	2.694.708.439	65.690.911	8.351.167	483.232.261.027
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	243.545.333.732	31.480.829.999	604.949.981	-	-	275.631.113.712
Số cuối năm	223.221.886.160	14.673.930.119	439.963.613	52.945.453	492.718.833	238.881.444.178
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Việt Nam	667.891.000	-
Công ty TNHH Đại Minh Thịnh	666.710.000	866.723.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Trường An	652.048.327	-
Công ty TNHH Thiết bị và Kỹ thuật điện VK	579.924.450	-
Công ty Cổ phần Điện Khánh Nguyên	-	1.311.932.500
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Dũng Nhi	-	1.298.910.140
Các nhà cung cấp khác	2.387.744.990	5.545.920.665
Cộng	4.954.318.767	9.023.486.305

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	331.963.252	12.256.788.869	(11.021.313.043)	1.567.439.078
<i>Chi cục thuế Bắc Quang</i>	<i>331.963.252</i>	<i>7.155.883.437</i>	<i>(6.170.474.350)</i>	<i>1.317.372.339</i>
<i>Chi cục thuế Vị Xuyên</i>	<i>-</i>	<i>5.100.905.432</i>	<i>(4.850.838.693)</i>	<i>250.066.739</i>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	158.576.000	(158.576.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.183.458.078	14.308.188.671	(13.051.787.000)	9.439.859.749
Thuế thu nhập cá nhân	363.820.948	730.483.250	(697.185.205)	397.118.993
Thuế tài nguyên	842.022.725	15.269.768.076	(15.383.130.360)	728.660.441
Thuế nhà đất	397.898	397.898	-	795.796
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	8.293.657	1.844.232.000	(1.844.232.000)	8.293.657
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	162.591.837	243.987.131	(334.393.695)	72.185.273
Cộng	9.892.548.395	44.815.421.895	(42.493.617.303)	12.214.352.987

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.224.984.224	64.185.453.486
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	57.024.131	940.569.737
- Các khoản điều chỉnh tăng	315.959.131	1.171.411.387
- Các khoản điều chỉnh giảm	(258.935.000)	(230.841.650)
Thu nhập chịu thuế	71.282.008.355	65.126.023.223
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	71.282.008.355	65.126.023.223
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14.256.401.671	13.025.204.645
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	51.787.000	58.253.433
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.308.188.671	13.083.458.078

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm là 1.864,44 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 20/3/2019 theo quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương) và thuế suất là 5%.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

9. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	595.818.100	135.567.867
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	-	135.567.867
Thù lao HĐQT, BKS	595.818.100	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.837.992.079	1.873.127.284
Kinh phí công đoàn	166.492.679	94.512.946
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	381.369.525	331.709.350
Quỹ bảo vệ môi trường rừng - tỉnh Hà Giang ^(*)	1.165.871.268	1.346.705.280
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	124.258.607	100.199.708
Cộng	2.433.810.179	2.008.695.151

(*) Công ty phải nộp tiền dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36VND/1KWh.

10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ Phúc lợi</u>	<u>Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.111.281.232	556.326.596	-	1.667.607.828
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.861.711.743	1.226.447.890	-	4.088.159.633
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ phúc lợi	-	(501.070.000)	501.070.000	-
Chi quỹ	(2.790.500.000)	(1.092.700.000)	-	(3.883.200.000)
Hao mòn TSCĐ phúc lợi	-	-	(8.351.167)	(8.351.167)
Số cuối năm	1.182.492.975	189.004.486	492.718.833	1.864.216.294



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MŨ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số đầu năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	40.378.687.845	56.833.160.344	32.678.666	306.774.746.855
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	51.101.995.408	-	51.101.995.408
Trích lập các quỹ	-	-	3.936.601.540	(8.435.574.728)	-	(4.498.973.188)
Chia cổ tức	-	-	-	(46.199.780.000)	-	(46.199.780.000)
Số dư cuối năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	44.315.289.385	53.299.801.024	32.678.666	307.177.989.075
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	44.315.289.385	53.299.801.024	32.678.666	307.177.989.075
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	56.916.795.553	-	56.916.795.553
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.088.159.633)	-	(4.088.159.633)
Chia cổ tức	-	-	-	(46.199.780.000)	-	(46.199.780.000)
Số dư cuối năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	44.315.289.385	59.928.656.944	32.678.666	313.806.844.995

11b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
Các cổ đông khác	102.899.000.000	102.899.000.000
Cộng	209.999.000.000	209.999.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.999.900	20.999.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

11d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2022 số 01NQ/ĐHĐCĐ/22 ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 46.199.780.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 4.088.159.633

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán điện thành phẩm.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thành phẩm đã bán.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	488.273.423	13.561.644
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.336.525	13.779.560
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.116.750	-
Cộng	<u>533.726.698</u>	<u>27.341.204</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.130.400.664	5.155.148.760
Chi phí vật liệu quản lý	509.320.930	495.726.157
Chi phí đồ dùng văn phòng	123.070.030	185.161.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.131.824	164.986.368
Thuế, phí và lệ phí	76.957.254	73.493.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.750.162	330.582.042
Các chi phí khác	1.017.434.426	704.126.375
Cộng	<u>7.732.065.290</u>	<u>7.109.225.004</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bán Chứng chỉ tiền giảm phát thải	-	44.887.647
Thu nhập từ bán phế liệu	-	57.975.000
Thu nhập khác	10.165.604	14.371.193
Cộng	<u>10.165.604</u>	<u>117.233.840</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	243.987.131	830.873.298
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	8.302.590
Phạt vi phạm hành chính	9.000.000	-
Cộng	<u>252.987.131</u>	<u>839.175.888</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.566.713.241	10.339.219.266
Chi phí nhân công	21.614.731.016	20.554.598.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.049.619.276	38.832.937.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.169.652.193	27.086.621.009
<i>Trong đó: Chi phí sửa chữa tài sản</i>	<i>28.350.578.667</i>	<i>22.203.283.710</i>
Chi phí khác	3.931.526.997	3.129.684.334
Cộng	<u>106.332.242.723</u>	<u>99.943.060.679</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Vũ Ngọc Toàn - Phó giám đốc Công ty		
Tạm ứng	10.000.000	-
Hoàn ứng	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.9.**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát:*

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý					
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch HĐQT	-	15.000.000	120.000.000	135.000.000
Ông Bùi Trọng Cẩn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	473.791.000	14.000.000	84.000.000	571.791.000
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Thành viên HĐQT	-	10.000.000	84.000.000	94.000.000
Bà Trần Thị Len	Thành viên HĐQT	-	10.000.000	84.000.000	94.000.000
Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên HĐQT	-	10.000.000	84.000.000	94.000.000
Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó giám đốc	391.311.000	9.000.000	-	400.311.000
Ông Trần Xuân Du	Kế toán trưởng	387.655.900	10.000.000	-	397.655.900
Ban kiểm soát					
Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng ban	292.010.000	14.000.000	-	306.010.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	-	8.000.000	60.000.000	68.000.000
Bà Đặng Thị Đoan Trang	Thành viên	-	8.000.000	60.000.000	68.000.000
Cộng		1.544.767.900	108.000.000	576.000.000	2.228.767.900

Năm trước**Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch HĐQT	-	15.000.000	42.000.000	57.000.000
Ông Nguyễn Hải Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	20.000.000	42.000.000	62.000.000
Ông Bùi Trọng Cẩn	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	387.391.000	20.000.000	60.000.000	467.391.000
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	123.989.000	20.000.000	60.000.000	203.989.000
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	-	10.000.000	30.000.000	40.000.000
Bà Trần Thị Len	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	60.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên HĐQT	-	10.000.000	30.000.000	40.000.000
Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó giám đốc	196.946.000	6.000.000	-	202.946.000
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó giám đốc	124.335.000	6.000.000	-	130.335.000
Ông Trần Xuân Du	Kế toán trưởng	366.450.867	10.000.000	-	376.450.867
Ban kiểm soát					
Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng ban	252.507.000	18.000.000	-	270.507.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	-	16.000.000	48.000.000	64.000.000
Bà Đặng Thị Đoan Trang	Thành viên	-	16.000.000	48.000.000	64.000.000
Cộng		1.451.618.867	187.000.000	420.000.000	2.058.618.867

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô

Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty con

Công ty mẹ của Sông Đà 9

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, trong năm Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Trả cổ tức	23.562.000.000	23.562.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.10.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trần Xuân Du


Trần Xuân Du



Bùi Trọng Căn